

Văn hóa Óc Eo ứng phó biến đổi khí hậu

Bài 5: PHÁT TRIỂN KINH TẾ, LÀM CHỦ GIAO THƯƠNG, BÀNH TRƯỚNG VƯƠNG QUỐC.

HOÀNG XUÂN PHƯƠNG



Nếu khả năng thích ứng với các chu kỳ biến đổi khí hậu làm cho Văn hóa Óc Eo phát triển đến đỉnh cao văn minh sông nước và thiết lập quốc gia – đô thị trong vùng duyên hải thì vị trí giữa ngã ba đường đã biến quốc gia – đô thị này thành một vương quốc gọi là Phù Nam, trở thành một trung tâm lịch sử quan trọng vùng Đông Nam Á kể từ thế kỷ thứ I đến thứ VI, và còn kéo dài ảnh hưởng đến sau thế kỷ thứ VIII. Văn hóa Óc Eo lúc này không còn là thuần chủng của những người đến từ các Thành Mọi trên vùng cao nguyên mà là một xã hội đa sắc tộc, đa tôn giáo với những người tụ tập

về đây từ các nền văn minh khác nhau thông qua một con đường giao thương toàn cầu lúc bấy giờ, thường được gọi là con đường phía nam. Giá trị lịch sử của Óc Eo lúc bấy giờ chính là lịch sử phát triển của con đường này, kết nối cả ba thế lực thị trường gồm Trung Hoa, Ấn Độ, và Đế chế La Mã.

Con đường phía nam-

Con đường phía nam đã được hình thành rất sớm, trải qua hàng ngàn năm nối liền các dân tộc sinh sống dọc vùng duyên hải và trên các bờ sông. Ban đầu nó chỉ là những đoạn đường bộ như con đường phía bắc mà sau này trở thành con đường tơ lụa nối giữa lục địa Trung Hoa với đế quốc La Mã băng qua vùng Trung Á. Nhưng ở phía nam, khi kỹ thuật tàu thuyền phát triển thì vai trò đường thủy trở nên quan trọng hơn, liền lạc hơn. Nghiên cứu lịch sử gần đây cho thấy tàu thuyền đã được con người phát minh chế tạo sớm hơn so với những gì chúng ta tưởng. Lúc đầu người ta dùng chúng để di chuyển trong các vịnh biển giữa những bộ tộc cư ngụ trên những hòn đảo, hoặc để băng qua các vùng biển cạn giữa lúc trời yên bể lặng. Ưu thế đường biển làm cho kỹ nghệ tàu thuyền phát triển rất nhanh. Đến các thế kỷ đầu Công nguyên thì nhiều đội thương thuyền

đã có thể nương theo mùa gió mà di chuyển những chặng đường dài băng qua đại dương đồng thời tạo nên những cuộc tranh giành hải lộ.

Những cuộc khai quật tại Arikamedu ở đông bắc Ấn Độ cho thấy thương cảng này đã hình thành rất sớm, hoạt động kéo dài nhiều trăm năm mà thời kỳ hưng thịnh nhất giữa khoảng các năm 23-96 sau Công nguyên. Tại đó người ta tìm thấy nhiều sản vật Đông Nam Á nằm giữa những sản vật đến từ đế quốc La Mã. Trong số hàng hóa phương Đông có hồ tiêu và một số loại ngọc lưu đến từ thương cảng Óc Eo, ngọc trai Giao Chỉ, và tơ lụa Trung Hoa. Lúc bấy giờ thương cảng Óc Eo nằm trên một nhánh biển chạy theo hướng đông tây, nối vịnh Cầm Giờ với vịnh Tám Ngàn mà về sau bồi cạn thành vịnh Rạch Giá. Thư tịch cổ Trung Hoa cho biết con tàu [vào cửa biển phía nam mũi Vũng Tàu] đi thẳng 500 lý [tức khoảng 200km] về phía tây thì đến kinh đô Phù Nam [tức thương cảng Óc Eo]. Từ Óc Eo người ta có thể đi về phía bắc theo con sông đào để đến thành phố Angkor Borei cách đó 90km, hoặc rẽ trái ra vịnh Tám Ngàn nằm giữa núi Dài và núi Cô Tô thuộc dãy Thất Sơn, hoặc xuôi về phía nam qua tiền cảng Nền Chùa để ra vịnh Rạch Giá.

Năm 24 trước Công nguyên, hoàng đế Augustus chiếm đóng Aden trên đất Ai Cập, mở đường vào Ấn Độ Dương thông qua Biển Đỏ và làm giảm đi sự lệ thuộc của La Mã vào các thương nhân Ả rập và người Ba Tư trong vịnh Persic. Từ cửa Biển Đỏ, các đoàn tàu La Mã ra khơi, cập bến ở miền Tây Nam Ấn nơi họ thiết lập các kho chứa hàng. Những sản phẩm vùng Đông Nam Á như đá quý đã được tìm thấy tại thương cảng Berenike trên bờ Biển Đỏ từ thế kỷ thứ I. Cuộc đua hàng hải đã bắt đầu, nhưng phải mất cả trăm năm nữa các đội thương thuyền mới tạo nên được hải lộ hoàn chỉnh để hình thành con đường hương liệu nối liền vùng cây gia vị Đông Nam Á vào đế quốc La Mã cũng như đến Trung Hoa, Nhật Bản, đồng thời đến vịnh Persic và vào các xứ Ả Rập. Trong lúc này, con đường phía nam vẫn phải theo một hệ thống liên kết thủy bộ: Qua vịnh Ba Tư, đến biển Ả Rập, đổ bộ lên vùng duyên hải Tây Bắc Ấn để đến thượng nguồn sông Hằng rồi theo dòng sông này mà đến vịnh Bengal. Từ đây thương thuyền xuôi theo duyên hải Miến Điện, Thái Lan. Đến giữa bán đảo Mã Lai thì hàng hóa được chuyển lên bộ,

băng qua hẻm núi Kra, giao cho các thương thuyền trong vịnh Thái Lan, tiếp tục cuộc hành trình đến thương cảng Óc Eo, ghé qua Bình Định, đi đến Quảng Đông...

Trong các thế kỷ thứ II và thứ III khi con đường tơ lụa băng qua vùng Trung Á bởi các đoàn lạc đà thường xuyên bị đánh cướp thì con đường thủy bộ phía nam trở nên nhộn nhịp, đôi khi được gọi là con đường tơ lụa phía nam nối giữa vùng lụa Trung Hoa với thị trường La Mã. Tín ngưỡng phồn thực từ lưu vực sông Hằng phía bắc Ấn Độ cũng theo đó mà du nhập mạnh đến Óc Eo, rồi từ Óc Eo lan tỏa ra đến tận Mỹ Sơn hay ngược dòng Mê Kông lên vùng biển hồ Tonle Sap nơi sau này thiết lập đế quốc Angkor và xây dựng khu đền Angkor Wat. Hệ phái Phật giáo Đại thừa vốn phát triển mạnh ở vùng Trung Á nay có thêm một lộ trình truyền bá mới băng qua Óc Eo để đến các dân tộc ở Trung Hoa. Cùng lúc này dấu ấn La Mã ở thương cảng Óc Eo trở nên rõ rệt với nhiều hiện vật như chiếc mũ day niên đại 152 của hoàng đế Antonius Pius xuất hiện giữa những con dấu và đồ trang sức đến từ Ấn Độ, và về sau với cả những gương đồng đời Hậu Hán đến từ Trung Hoa. Văn hóa Óc Eo mà trung tâm là thương cảng Óc Eo đồng thời là kinh đô vương quốc Phù Nam trở thành ngã ba đường nối giữa các nền văn minh lớn của thế giới. Nhưng vai trò quan trọng nhất của Óc Eo không chỉ là con đường mà bản thân nó có cả sự thu hút từ các nguồn tài nguyên.

Sức hút Óc Eo-

Dưới thời Nero, năm 54-68 sau Công nguyên, hoàng đế La Mã ra lệnh bãi bỏ bản vị vàng trên các đồng tiền. Các nhà buôn Ấn Độ vốn trước đó hưởng lợi từ những đồng tiền vàng La Mã nay phải tìm về phía đông đến với Óc Eo để thu thập hoặc khai thác quý kim nhằm duy trì khả năng chi phối con đường giao thương, cả trên biển cũng như trên sông. Các văn bản tiếng Phạn lúc bấy giờ gọi vùng Đông Nam Á là đất vàng (suvarnabhumi) và đảo vàng (suvarnadipa). Trong khi đó người Trung Hoa, những đối tác thương mại của thương nhân Ấn Độ và La Mã đánh giá rất cao những đồng tiền vàng xuất xứ từ Đông Nam Á được dùng làm phương tiện thanh toán. Điều này cho thấy Óc Eo trở thành trung tâm thu hút các nhà đầu tư quý kim theo sau sự khan hiếm các đồng tiền vàng La Mã. Việc này cũng biến thương cảng Óc Eo thành nơi xuất cảng các loại đá quý khai thác trong vùng và trở thành trung tâm thị trường hương liệu đến từ vùng đảo gia vị Đông Nam Á. Thư tịch cổ Trung Hoa ghi lại, theo lời kể của nhiều đoàn sứ thần, rằng ở Óc Eo thương nhân đóng thuế bằng vàng, bạc, ngọc trai, hương liệu, và rằng người dân Phù Nam thường đeo nhẫn và vòng tay bằng vàng.

Tại thương cảng Óc Eo, các nhà đầu tư Ấn Độ mua những quặng vàng do cư dân bản xứ đào đãi trên các bãi sông, bãi suối trong vùng, rồi xử lý thành các cục gạch để đem nung chảy trong các hầm lò mà mới nhìn qua trông giống huyết mậ. Hỗn hợp quý kim chảy ra



được người Ấn đưa về nước để phân kim rồi đúc thành tiền vàng. Hình thức đầu tư này giúp người Ấn gom được quý kim từ nhiều nơi bao gồm cả những địa điểm xa xôi như Nam Cát Tiên ở Lâm Đồng, và cả những sản vật khác như đá quý hay ngà voi, đồng thời với việc khai thác quặng vàng và sản vật sẵn có trong các rặng núi Thất Sơn và Đạu Khẩu. Trong nhiều trường hợp những người tìm kiếm đồ cổ bất gặp những cục gạch cống còn sót lại những vảy vàng mềm mỏng bám quanh các hạt cát thạch anh. Các lò nung vàng chủ yếu tìm thấy quanh chân núi Ba Thê nhưng các bãi đãi vàng được nhận ra ở mực chôn nước tại nhiều nơi trong rặng Thất Sơn, để lại cho đến ngày nay khá nhiều bãi thải và những mương tích tụ kim loại sâu đến năm, sáu mét mà qua đó chúng ta biết được nguồn gốc xuất xứ và thành phần quặng vàng.

Chỉ cần vượt qua hẻm núi Kra vừa thấp vừa ngắn ở bán đảo Mã Lai để đưa hàng từ bên này sang bên kia giữa vịnh Thái Lan với Ấn Độ Dương, con đường thủy bộ tại đây tỏ ra thuận lợi. Thương cảng Óc Eo mỗi ngày một củng cố thêm vị trí của một trung tâm thương mại đồng thời là trung tâm tài chính, tạo nên sức thu hút mãnh liệt. Người ta biết rằng ngay từ thế kỷ thứ II các thương nhân Mã Lai đã mang các loại gia vị đến bán ở thương cảng Óc Eo. Việc buôn bán gia vị và hương liệu bắt đầu bằng khai thác trầm hương, quế, đậu khấu, hồ tiêu bản địa cùng các loại gỗ dóng tàu, đá quý, đồi mồi, ngà voi và sừng tê giác. Thư tịch cổ Trung Hoa cho biết lúc bấy giờ Phù Nam kiểm soát con đường buôn bán của các thuộc quốc là những nước nhỏ nằm trong bán đảo Mã Lai, Thái Lan và Campuchia ngày nay. Với việc thiết lập được hệ thống thanh toán bằng vàng, rồi về sau bằng bạc và đồ trang sức, vương quốc Phù Nam chi phối thị trường hương liệu và gia vị Đông Nam Á do các chiếc thuyền hay 'tàu chợ' mang đến từ các đảo gia vị như Celebes, Moluccas và Banda.

Đến đầu thế kỷ thứ IV các đội thương thuyền đã rất lớn mạnh. Các đoàn tàu Ba Tư khai trương hải lộ từ Ấn Độ Dương qua eo biển Malacca để vào vịnh Thái Lan và ra Biển Đông mà không cần vượt qua hẻm núi Kra

như trước. Các dòng người Ba Tư mà chủ yếu đến từ Iran cũng theo đó đến định cư thành những cộng đoàn lớn tại Mã Lai, Óc Eo, Trung phần Việt Nam và miền



nam Trung Hoa. Sự nối dài liên lạc giao thông đường biển mà lúc này được biết đến như con đường hương liệu làm cho nhịp độ buôn bán ở thương cảng Óc Eo càng thêm nhộn nhịp. Nhưng lúc này các quặng vàng có thể dào dãi đã khan hiếm; người Ấn không còn là những ông chủ duy nhất tại các thương điểm; và một hệ thống thanh toán mới dựa trên kim loại bạc đúc

hình “mặt trời lặn” gọi là đồng bạc Phù Nam được đưa vào thay thế. Sự nổi lên của Óc Eo mà có thời là đế quốc Phù Nam do bởi 3 nguyên nhân: Khai thác tài nguyên, kiểm soát buôn bán, và chi phối hệ thống thanh toán tài chính cho cả khu vực. Điều này có ảnh hưởng rất lớn đến độ sau khi Phù Nam suy yếu từ thế kỷ thứ VI, các thuộc quốc một thời như Dvaravati, Haripunjaya, và Sri Vijaya vẫn tiếp tục sản xuất và sử dụng đồng bạc “mặt trời lặn”.

H.X.P

(Xem thêm bài 6: Cáo chung của một nền văn hóa)

GHI CHÚ HÌNH ẢNH:

H1- Óc Eo trở thành trung tâm thương mại và thanh toán quốc tế từ thế kỷ thứ II đến thứ VI

H2- Hải lộ phía nam trở nên liên lạc từ đầu thế kỷ thứ IV.

H3- Quặng vàng Đông Nam Á thu hút các nhà đầu tư Ấn Độ.

H4- Đồng bạc “mặt trời lặn” của đế quốc Phù Nam.

**Chuỗi nghề truyền thống
vang bóng một thời ở An Giang**

Dâu tằm tơ dệt nhuộm

NGUYỄN HỮU HIỆP

TRỒNG DÂU, NUÔI TĂM

Cây dâu (dâu tằm ăn) được trồng khá nhiều tại một số vùng phía Tây sông Hậu, nhưng nhiều nhất là trên các bãi bồi, các cù lao ven sông Tiền từ Cù Lao Giêng, Cù Lao Ông Chưởng dẫn ngược lên Tân Châu và vùng phụ cận.

Hom dâu được giâm lúc đất còn ướt (nước mới giựt). Do nhiều phù sa màu mỡ nên không cần bón phân cũng không phải tưới, cây dâu vẫn phát triển tốt tự nhiên. Sau khoảng ba tháng thì thu hoạch lứa đầu. Đất cao thu hoạch được bốn lứa, đất thấp thì ba lứa một năm. Năm nào có mưa tưới cầm chừng thì coi như “trời độ”, người trồng dâu dễ trở nên giàu có. Không ít người trở thành “triệu phú” nhờ vào nguồn thu nhập duy nhất là trồng cây dâu này. Bao

hiều lá là bấy nhiêu tiền – tất nhiên với điều kiện là nghề nuôi tằm, ươm tơ, dệt lụa phải phát triển.

Do toàn khu vực đều bị ngập sâu vào mùa nước nổi hàng năm nên khâu thu hoạch lá dâu ở An Giang không giống như ở nhiều nơi. Người ta không phải ngắt từng lá bỏ vào thúng hay sọt, vì theo những người chuyên canh ở đây cho biết, làm như vậy hao công, năng suất lại kém. Người ta chỉ cần chờ cây dâu cao ngang ngực (đã đủ lá) rồi chặt gần sát gốc, chờ nguyên về cho tằm ăn. Gốc dâu còn lại tại ruộng sẽ đâm chồi, tiếp tục cho lá, nhiều và tốt có khi hơn cả đợt đầu. Cứ như vậy mà thu hoạch 3 – 4 đợt, bao giờ “nước chạy đồng” mới kết thúc mùa vụ.

Trong canh tác, bà con rất mực xem trọng vấn đề vệ sinh môi trường.

Điều tối kỵ số một là không được trồng thuốc lá gần ruộng dâu, dù ít, dâu sẽ rủ nhau “tự tận” đồng loạt. Một tối kỵ khác nữa là xác súc vật chết không được quăng vào ruộng dâu, vì khi tằm ăn phải những lá

dâu bón bằng xác súc vật, nó sẽ không ăn những lá khác nữa. Do đó, mỗi khi phát hiện xác súc vật trôi sông, người ta hoảng hốt, hô hoán, một mặt lo vớt đem chôn, một mặt vun lá khô thành nhiều đống un, đốt cho khói tỏa xông hai bên bờ sông rạch ở những nơi có trồng dâu để khử tẩy mùi xú uế, bảo vệ điều kiện sống cho tằm sau này.

Không ít ông già bà cả ở vùng Tân Châu vẫn còn nhớ bài “Về tơ tằm”. Xin ghi lại một đoạn liên quan đến kỹ thuật trồng dâu theo lối cổ truyền địa phương:

*Tháng ba tháng tư dâu còn lòng ống
Kẻ lo kiếm giống người lại mua nòi
Mua khắp nơi nơi mua cùng khắp xứ
Kẻ góc tư người thời góc tám
Người nào làm phạm (nhiều) thì
ráng (thêm) nữa cần*